

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/DS-PT

Ngày 26 - 9- 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung.

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2022/TLPT-DS, ngày 18/8/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2022/QĐPT-DS ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân N;

Hộ khẩu thường trú: đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1945 và bà Đặng Thị N1, sinh năm 1954; Địa chỉ: đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Kim T; Địa chỉ: đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1; Địa chỉ: đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Bà H1 có mặt, ông T1 vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Như T2; Địa chỉ: đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Văn H, bà Đặng Thị N1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Ý kiến của nguyên đơn - Ông Trần Xuân N:**

- Về khoản vay của bà N1, ông H: Thông qua sự quen biết từ trước, vào ngày 02/01/2020, tại đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tôi (N) có cho bà Đặng Thị N1 và ông Ngô Văn H vay số tiền là 900.000.000 đồng; Mục đích vay: Đáo hạn ngân hàng và giúp con cái lấy vốn thêm làm ăn, xây lại nhà đường C; Thời hạn vay vốn: Từ ngày 02/01/2020 đến ngày 02/08/2020. Về lãi suất: Giấy vay tiền không quy định lãi suất.

Từ ngày đến hạn trả nợ đến nay, tôi đã nhiều lần đòi nợ bà N1, ông H nhưng bà N1, ông H cố tình chây ỳ và không chịu trả nợ cho tôi theo như cam kết và đã vi phạm cam kết trả nợ.

Nay tôi đề nghị Toà án tuyên buộc bà Đặng Thị N1 và ông Ngô Văn H trả lại ngay cho tôi số tiền vay là: 900.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày đến hạn trả nợ (ngày 02/08/2020) đến ngày bà N1, ông H trả hết nợ cho tôi, theo mức lãi quy định của pháp luật.

- Về việc bà H1 (con gái của bà N1, ông H) cho rằng có chuyển cho ông T2 số tiền là 1.000.000.000 đồng là khoản trả nợ của bà N1, ông H thì tôi không đồng ý, vì các lý do sau:

Các khoản nợ của vợ chồng bà H1 đối với tôi là các khoản nợ đã lâu nên tôi muốn thu hồi. Tuy nhiên, bằng sự quen biết nên tôi vẫn phải giúp đỡ vợ chồng bà H1 trong các lần vay mượn thêm. Còn khi tôi cho ông bà N1, H vay nợ thì tôi cũng giao tiền và ký giấy vay với chính ông bà N1, H. Hai sự việc giao dịch giữa tôi với vợ chồng bà H1 với giữa tôi với ông bà N1, H là khác nhau.

Khi bà H1 có khoản tiền vay đáo bên Ngân hàng nông nghiệp thì tôi bảo bà ta là hoàn trả để bớt nợ, tôi viện lý do phải trả cho ông T2 để bà ta trả (Ngày 13/1/2020 chuyển khoản vào tài khoản Nguyễn Như T2 và tên người chuyển là Ngô Thị Trúc H1, số tiền 1.000.000.000 đồng; Và hôm sau, ngày 14/1/2020 ông T2 chuyển khoản lại cho bà H1 500.000.000 đồng). Do đó khi bà H1 nộp và chuyển khoản cho tôi hoặc cho người tôi chỉ định có khoản chênh lệch 500.000.000 đồng thì tôi cần trừ nợ cho phía bà H1 trước vì tiền đó là tiền của bà H1 nộp vào.

Việc giữa chúng tôi có trao đổi rằng: Nếu bà H1, bà N1 trả hết tiền thì đương nhiên tôi trả giấy vay. Nhưng các bên mới chỉ trao đổi qua tin nhắn, còn nghĩa vụ

nợ thì bà H1 chưa hoàn trả và là những khoản nợ lâu khó đòi nên tôi ưu tiên lấy nợ trước. Còn việc bà ta đang có nợ tôi số tiền lớn (cả khoản cũ và khoản mới) mà lại muốn trả nợ cho người khác (là bà N1) thì tôi không đồng ý và không thừa nhận việc trừ nợ đó. Nếu bà H1 trả hết nợ của bà H1 với tôi thì sau đó tôi mới trừ phần còn lại qua bà N1, nhưng bà H1 chỉ chuyển trả rồi lại vay lại sau đó (H1 nộp trả của bà H1 còn không đủ) thì đương nhiên tôi không thể tính trừ vào khoản nợ cho bà N1, H. Hiện nay bà H1 vẫn còn nợ tôi và tôi đã khởi kiện giải quyết bằng quyết định thỏa thuận nhưng đến cơ quan thi hành án thì bà H1 vẫn chây ỳ chưa trả nợ.

Đồng thời, số tiền ông bà N1, H nợ tôi là số tiền 900.000.000 đồng, còn bà H1 chuyển khoản trả nợ cho tôi là một con số khác.

- *Về việc cản trừ các khoản vay/trả của vợ chồng bà H1:* Vợ chồng bà H1 có sự quen biết và giao dịch vay nợ tôi nhiều lần nhưng chây ỳ không trả nợ gốc nên tôi đã khởi kiện tại Tòa án vào tháng 01/2021. Tính đến thời điểm khởi kiện thì vợ chồng bà H1 còn nợ tôi như sau:

Nợ năm 2019 chuyển qua năm 2020: 1.200.000.000 đồng;

Ngày 6/1/2020 vay số tiền: 300.000.000 đồng;

Ngày 20/1/2020 vay số tiền: 250.000.000 đồng;

Ngày 04/02/2020 vay số tiền: 300.000.000 đồng;

Ngày 14/9/2020 vay số tiền: 600.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay: 2.650.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc các lần trả trong năm 2020 là 1.200.000.000 đồng, cụ thể: Trả 500.000.000 đồng ngày 13+14/1/2020 (bà H1 có chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng đến tài khoản ông T2 và ông T2 có chuyển lại đến tài khoản bà H1 số tiền 500.000.000 đồng; Chênh lệch 500 triệu đồng); 200.000.000 đồng ngày 15/01/2020; 300.000.000 đồng ngày 16/01/2020; 200.000.000 đồng trong tháng 2/2020;

Tính đến thời điểm tôi khởi kiện bà H1, ông T1 thì số tiền nợ của bà H1 do bà ta không thanh toán lãi theo thỏa thuận cho tôi nên tôi đã tự tính toán sau khi cản trừ đi các khoản vay trả trong năm 2020 để đưa ra số tiền và tiền lãi tính từ các khoản gốc chưa thanh toán là 1.450.000.000 đồng. Về bản chất các khoản nợ thì có sự vay trả nhiều lần, và việc trả bớt thì tôi ưu tiên thu nợ của các khoản vay cũ của năm 2019. Hiện tại, bà H1 muốn nhận phần nợ của bà N1, ông H về phía bà H1 là nhằm phủi sạch nợ của bà N1, ông H đối với tôi; Mục đích chính là đăng nào thì vợ chồng bà H1 cũng bị mất khả năng trả nợ nên không trả nợ cho tôi.

*** Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Ông H, bà N1 là bà Vũ Thị Kim T:**

Vào ngày 02/01/2020, bà Ngô Thị Trúc H1 là con gái của ông Ngô Văn H và bà Đặng Thị N1 có nhờ ông Trần Xuân N đáo hạn giúp cho bố mẹ khoản vay tại Ngân hàng món vay 900.000.000 đồng và món vay riêng của bà H1 số tiền 300.000.000 đồng. Món vay đáo hạn ngân hàng trong thời gian làm thủ tục là 12 ngày, đến ngày 13/01/2020 là giải ngân cho ông H, bà N1. Bà H1 có nhắn tin cho ông N để trả số tiền 900.000.000 đồng của ông bà H, N1 và 300.000.000 đồng của bà H1, tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng và thủ tục chuyển trả do bà H1 liên lạc và trực tiếp trả tiền cho ông N.

Vì ông H, bà N1 không quen biết ông N, chỉ biết qua con gái là bà H1 nên ông bà H, N1 phải viết giấy nợ cho ông N. Bà H1 là người viết giấy, điền thông tin vào giấy vay tiền của ông H, bà N1, trong giấy vay thì thông tin về số CMND của ông H bị sai, còn thông tin về vay tiền của ai, hạn ngày trả để trống không ghi. Ông H, bà N1 có ký tên vào giấy vay tiền và đã thông qua bà H1 trả hết số nợ trên cho ông N. Còn khoản vay riêng của bà H1 với ông N thì ông H, bà N1 không biết và không quan tâm.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn H và bà Đặng Thị N1 trả số tiền 900.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định pháp luật thì ông H, bà N1 không đồng ý, vì ông bà đã trả xong cho ông N khoản vay này rồi và hiện ông H, bà N1 không còn nợ ông N số tiền nào.

**** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Bà Ngô Thị Trúc H1:***

Tôi có quen ông Trần Xuân N vào năm 2017, ông N làm ngân hàng và có đáo hạn ngân hàng cho tôi nhiều lần. Tất cả những khoản vay ông N đều lấy lãi và tôi trả gốc lãi từng tháng. Vào ngày 02/01/2020 tôi có nhờ ông N đáo hạn giúp cho bố mẹ tôi là ông H bà N1 món vay 900.000.000 đồng cho món vay tại ngân hàng và món vay riêng của tôi là 300.000.000 đồng. Trong thời gian làm thủ tục đáo hạn 12 ngày thì ngày 13/01/2020 là ngày giải ngân cho món vay của bố mẹ tôi. Trong ngày nhận tiền 13/01/2020 tôi có nhắn tin cho ông N để chuyển trả thay số tiền 900.000.000 đồng của bố mẹ và trả 300.000.000 đồng của tôi, tổng là 1.200.000.000 đồng. Khi đó ông N nhắn tin vào Zalo cho tôi nội dung đề nghị phải chuyển vào số tài khoản “ông Nguyễn Như T2 STK: 5214205102788 tại ngân hàng Agribank”. Bố mẹ tôi đưa tôi tiền mặt, tôi đến ngân hàng Agribank Tp. Buôn Ma Thuột chuyển 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông T2. Khi đó tôi nghĩ đã trả xong món vay của bố mẹ vì ông N đã nhắn qua zalo “Ok chị e nhận 1 tỷ rồi”. Và theo đề nghị của ông N, ngày 07/1/2020 tôi còn chuyển thêm cho ông N 54.000.000 đồng để trả lãi khoản vay này. Tôi nhắn ông N đưa tờ giấy vay lại thì ông N cứ hẹn lần này đến lần khác.

Đến ngày 09/11/2020, ông N nhắn qua zalo cho tôi nội dung những khoản vay trả như sau:

“-300.000.000 20/08/2018

-200.000.000 2/12/2018

-200.000'000 26/01/2019

-100.000.000 16/04/2019

-300.000.000 23/7/2019

100.000.000 25/7/2019

-200.000.000 29/7/2019

-900.000.000 2/1/2020 (khoản này bố mẹ tôi trả rồi, tôi xin lại giấy vay ông N không đưa)

-300.000.000 6/1/2020

500.000.000 13/1/2020 (người chuyển là Nguyễn Như T2, tôi nhận số tiền này do ông N đề nghị)

100,000,000 15/01/2020

100,000.000 15/1/2020

300.000,000 16/1/2020

- 250,000.000 20/01/2020

100.000,000 14/2/2020

100.000,000 „,02/2020”.

Ông Nghị nói lãi tạm tính - 1,450,000.000 đồng mà tôi không coi lại, tôi không biết ông N cộng làm sao ra tròn con số. Vì tin tưởng ông N nên tôi không xem lại những khoản tôi đã trả rồi và những khoản tôi đã chuyển khoản (sau này tôi mới lấy bản sao kê). Cuối năm 2020 tình hình dịch Covid tôi làm ăn thua lỗ không có khả năng trả lãi và gốc thì ông N có làm đơn kiện tôi ra tòa. Thời gian đó tôi rất hoảng loạn và ông N ép tôi ra tòa ký biên bản thỏa thuận trong khi tôi đã trả cho ông N tiền mặt và chuyển khoản từ năm 2017.

Nay ông N kiện bố mẹ tôi về khoản vay 900.000.000 đồng thì tôi đã trả đủ cho ông N số tiền trên rồi.

*** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Như T2:**

Ngày 13/01/2020 anh N có nhờ số tài khoản của tôi tên Nguyễn Như T2 tại ngân hàng Agribank để có bà tên H1 chuyển tiền và có bảo hôm sau trả lại qua chuyển khoản cho bà H1 500.000.000 đồng. Trong ngày 13/01/2020 bà H1 có chuyển vào tài khoản của tôi 1.000.000.000 đồng, ghi nội dung: Ngô Thị Trúc H1 nộp tiền. Ngày hôm sau tôi chuyển khoản lại cho tài khoản bà H1 đúng số tiền 500.000.000 đồng như đã trao đổi với anh Nghị. Việc chuyển tiền như trên là thỏa

thuận giữa tôi với anh N, không liên quan đến giao dịch của bà H1 và ông N. Tôi không biết rõ việc vay mượn giữa các bên như thế nào.

Tại bản án số: 77/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã bổ sung tại phiên tòa của nguyên đơn - Ông Trần Xuân N;

Buộc bà Đặng Thị N1 và ông Ngô Văn H phải trả cho ông Trần Xuân N số tiền: **1.056.750.000 đồng**; trong đó: Nợ gốc: 900.000.000 đồng; Nợ lãi: 156.750.000 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/7/2022, bị đơn ông Ngô Văn H, bà Đặng Thị N1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1 kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án số 77/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Các ông, bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Ngô Văn H, bà Đặng Thị N1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn H, bà Đặng Thị N1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án tất cả các bên đều thừa nhận do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 02/01/2020, tại đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bà Đặng Thị N1 và ông Ngô Văn H có ký giấy vay tiền và vay của ông Trần Xuân N số tiền là 900.000.000 đồng; Thời hạn vay: Từ ngày 02/01/2020 đến 02/08/2020. Giấy vay tiền không quy định lãi suất.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định ngày 02/01/2020 ông H, bà N1 có vay của ông N số tiền 900.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, về việc trả nợ số tiền trên giữa các bên đương sự còn có nhiều mâu thuẫn. Cụ thể, nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả nguyên đơn số tiền 900.000.000 đồng còn bà H1 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày ngày 13/01/2020 bà đã trả thay cho ông N1, bà H số tiền 1.000.000.000 đồng, sau đó bà H1 có vay lại của ông N số tiền 500.000.000 đồng. Bà H1 cung cấp Quyết định công nhận thỏa thuận về việc vay nợ giữa bà H1 và ông N cũng như tài liệu chụp tin nhắn trên Zalo giữa ông N và bà H1 trong đó có thể thể hiện việc vay và trả nợ vay số tiền 900.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập các tài liệu vay và trả nợ giữa bà H1 và ông N để đánh giá cũng như chưa xem xét đánh giá tài liệu bản chụp tin nhắn Zalo vì có liên quan đến vụ án là chưa thu thập đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Do vậy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn H, bà Đặng Thị N1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DSST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Ngô Văn H, bà Đặng Thị N1, bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Ngô Văn H, bà Đặng Thị N1, bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí:

[2.1] Về án phí DSST: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí DSPT:

- Bà Ngô Thị Trúc H1 và ông Lưu Kim T1 không phải chịu án phí DSPT. Bà H1 và ông T1 mỗi người được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo các biên lai số AA/2021/0019925 và AA/2021/0019925 ngày 21/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Dương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung